TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GÒ QUAO** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 09-4-2024
V/v: "*Tranh chấp về ly hôn và yêu cầu nuôi con"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ QUAO, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Hoài Thanh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Danh Út Nhỏ;
2. Ông Danh Quí.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nghĩa - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Quao tham gia phiên tòa: Ông Võ Hoàng Hạt - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 4 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang, đưa ra xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 354/2023/TLST-HNGĐ, ngày 09/10/2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 20/02/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 20/2024/QĐST-HNGĐ ngày 18/3/2024, giữa các đương sự:

1. <u>Nguyên đơn</u>: Chị Thị V - sinh năm 1996 (có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp H, xã Đ, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

2. <u>Bị đơn</u>: Anh Danh Hoài T - sinh năm 1992 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp H, xã Đ, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 26/6/2023 của nguyên đơn chị Thị V trình bày: Tôi và anh Danh Hoài T không có tìm hiểu nhau trước mà do mai mối nên đến năm 2012 chúng tôi được cha mẹ hai bên có tổ chức đám cưới theo phong tục địa phương, hôn nhân tự nguyện và có đăng ký kết hôn trễ hạn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện G, tỉnh Kiên Giang vào ngày 09/8/2018.

Sau khi kết hôn chúng tôi sống hạnh phúc đến tháng 3/2023 thì vợ chồng tôi phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng tôi tính tình không phù hợp, bất đồng ý kiến, không còn tình cảm với nhau. Anh T uống rượu về kiếm chuyện với vợ con và gia đình của tôi nên vợ chồng thường xuyên cải vã và chúng tôi đã ly thân từ tháng 3/2023 đến nay. Nay xét thấy cuộc sống hôn nhân không còn hàn gắn được nữa, vợ chồng không còn tình cảm với nhau nên tôi yêu cầu tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với chồng tôi là Danh Hoài T.

Về con chung: Tôi xác định vợ chồng có 01 người con chung tên Danh Hoài T1 - sinh ngày 01/10/2014, hiện nay con đang sống với tôi nên tôi yêu cầu được

tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục và tôi không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Tôi xác định vợ chồng không có tài sản chung và không có thiếu nợ ai nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nay tôi yêu cầu Tòa án giải quyết:

Về hôn nhân: Tôi xin được ly hôn với chồng tôi là Danh Hoài T.

Về con chung, về tài sản chung và nợ chung: Như tôi đã trình bày trên, tôi không có yêu cầu thêm gì.

Đối với anh Danh Hoài T trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ anh T nhiều lần nhưng anh vắng mặt không có lý do.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang có ý kiến:

Về tố tụng: Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền, xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, người tham gia tố tụng; việc thu thập tài liệu, chứng cứ, cấp tống đạt cho người tham gia tố tụng và Viện kiểm sát đúng quy định. Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử, Thư ký chấp hành đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Đối với nguyên đơn chấp hành đúng theo quy định của pháp luật còn bị đơn đã được thông báo và tống đạt các văn bản tố tụng đúng quy định nhưng vắng mặt tại phiên tòa không lý do là không tuân thủ quy định của pháp luật.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời khai của đương sự cũng như tại phiên tòa hôm nay, đối chiếu với các quy định của pháp luật đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị Thị V được ly hôn với anh Danh Hoài T. Về con chung: Giao cháu Danh Hoài T1 - sinh ngày 01/10/2014 cho chị Thị V được tiếp tục, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Đồng thời, cháu T1 cũng có nguyện vọng muốn sống với chị V. Về cấp dưỡng nuôi con: Miễn xét. Về tài sản chung và nợ chung: Miễn xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ và toàn diện các chứng cứ, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Tranh chấp giữa chị Thị V và anh Danh Hoài T là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Điều 28 và Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Chị Thị V là nguyên đơn và anh Danh Hoài T là bị đơn vắng mặt tại phiên tòa nhưng chị V có đơn xin xét xử vắng mặt còn anh T được Tòa án tống đạt đầy đủ các văn bản tố tụng tại nơi anh có hộ khẩu thường trú theo quy định của pháp luật nhưng anh không có mặt tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227 và Điêu 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị V và anh T là phù hợp.

[2] Về hôn nhân: Chị Thị V và anh Danh Hoài T kết hôn với nhau vào năm 2012, hôn nhân tự nguyện, có tổ chức đám cưới theo phong tục địa phương và có đăng ký kết hôn trễ hạn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện G, tỉnh Kiên Giang vào

ngày 09/8/2018 cho nên hôn nhân của anh chị là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ.

[3] Xét về quan hệ hôn nhân cho thấy: Dù hôn nhân của chị Thị V và anh Danh Hoài T là hôn nhân tự nguyện nhưng trước khi kết hôn anh chị không có tìm hiểu nhau trước mà do mai mối, vì vậy khi xác lập cuộc sống chung vợ chồng thì lại bộc lộ ra những cá tính không phù hợp. Chị V cho rằng vợ chồng chị tính tình không phù hợp nhau, bất đồng ý kiến, không còn tình cảm với nhau. Anh T uống rượu về kiếm chuyện với vợ con và gia đình của chị nên vợ chồng thường xuyên cải vã và anh chị đã ly thân từ tháng 3/2023 đến nay. Do đó, ngày 24/10/2023 và ngày 03/01/2024 Tòa án đã tiến hành hòa giải để động viên, giải thích giúp vợ chồng anh chị đoàn tụ nhưng anh T không có mặt tại Tòa án nên Tòa án không thể ghi nhận ý kiến của anh T. Xét thấy, vợ chồng anh chị đã sống ly thân với nhau từ tháng 3/2023 do anh T bỏ địa phương đi và chị V có tìm kiếm nhưng không gặp được anh. Đồng thời, chị V cũng tỏ rõ thái độ không còn tình cảm và yêu thương anh T nên cương quyết xin ly hôn với anh. Từ đó, cho thấy mâu thuẫn của anh chị đã trở nên trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị V.

Đối với anh Danh Hoài T, trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Tòa án kết hợp với chính quyền địa phương trực tiếp đến nhà anh T tống đạt các văn bản tố tụng đúng theo qui định của pháp luật nhưng anh T không có mặt tại Tòa án để làm các văn bản gửi cho Tòa án nên không có căn cứ để xem xét ý kiến của anh. Từ đó, cho thấy anh T đã biết được nội dung yêu cầu xin ly hôn của chị V. Do đó, HĐXX thống nhất xét xử vắng mặt anh Danh Hoài T theo qui định của pháp luật.

[4] Về con chung: Chị Thị V xác định chị và anh Danh H Thu có 01 người con chung tên Danh Hoài T1 - sinh ngày 01/10/2014, hiện nay cháu T1 đang sống với chị V nên chị V yêu cầu được tiếp tục, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục và chị V không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con.

Xét về yêu cầu nuôi con của chị Thị V thấy rằng: Chị V và anh T sống hạnh phúc đến tháng 3/2023 thì phát sinh mâu thuẫn nên chị tự lo chi phí trong cuộc sống, tự trang trãi lo cho cháu T1 và cháu cũng có cuộc sống ổn định và phát triển bình thường như những đứa trẻ khác còn anh T không quan tâm, không có trách nhiệm lo cho con cùng với chị V mà bỏ nhà đi từ tháng 3/2023 đến nay và cũng không biết anh T đi đâu. Đồng thời, cháu T1 cũng có nguyện vọng muốn sống với chị V. Do đó, yêu cầu nuôi con của chị Thị V có căn cứ, phù hợp theo quy định của pháp luật nên HĐXX chấp nhận.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa các đương sự không có yêu cầu nên HĐXX không xem xét.

Anh Danh Hoài T có quyền tới lui thăm nom con chung, không ai có quyền cản trở anh thực hiện quyền này. Khi cần thiết, anh chị có quyền làm đơn xin thay đổi quyền nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Thị V xác định chị và anh Danh Hoài T không có tài sản chung và không có thiếu nợ ai nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Tại phiên tòa sau khi xem xét lời trình bày của nguyên đơn và đại diện Viện kiểm sát có quan điểm chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, xét đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về án phí hôn nhân sơ thẩm là: 300.000 đồng chị Thị V phải nộp do chị có yêu cầu xin ly hôn nhưng chị được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị đã nộp trước đây là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0000705, ngày 02/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang. Như vậy, chị Thị V đã nộp đủ án phí hôn nhân sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 131 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho chị Thị V được ly hôn với anh Danh Hoài T.

2. Về con chung: Giao cháu Danh Hoài T1 - sinh ngày 01/10/2014 cho chị Thị V được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Đồng thời, cháu T1 cũng có nguyện vọng muốn sống với chị V.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Miễn xét.

Anh Danh Hoài T có quyền tới lui thăm nom con chung, không ai có quyền cản trở anh thực hiện quyền này. Khi cần thiết, anh chị có quyền làm đơn xin thay đổi quyền nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

4. Về tài sản chung và nợ chung: HĐXX miễn xét.

5. Về án phí hôn nhân sơ thẩm là: 300.000 đồng chị Thị V phải nộp do chị có yêu cầu xin ly hôn nhưng chị được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị đã nộp trước đây là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0000705, ngày 02/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang. Như vậy, chị Thị V đã nộp đủ án phí hôn nhân sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án là ngày 09/4/2024.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận :
- TAND tỉnh;
- VKS huyện Gò Quao;
- Chi cục THA huyện Gò Quao;
- UBND xã Định Hòa;
- Các đương sự;

TM/. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- Lưu hồ sơ.

Trần Hoài Thanh